Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
Email: ubnd@khanhhoa.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
Ngày ký: 07-09-2023 16:52:49 +07:00

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH KHÁNH HÒA | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 2097/QĐ-UBND | *Khánh Hòa, ngày 06 tháng 9 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ vốn sự nghiệp năm 2023 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 tỉnh Khánh Hòa (đợt 3)**

## UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Xét đề nghị của Ban Dân tộc tại Công văn số 795/BDT-NV ngày 17/8/2023 và ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số: 3801 /STC-TCHCSN, ngày 24 tháng 8 năm 2023.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Về dự toán kinh phí:

1. Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2023 cho Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

giai đoạn 2021-2025 tỉnh Khánh Hòa (đợt 3) với số tiền 2.408 triệu đồng *(Hai tỷ, bốn trăm lẻ tám triệu đồng)*, cụ thể:

- Phụ lục 01: Phân bổ vốn theo chi tiết Dự án thuộc Chương trình;

- Phụ lục 02: Phân bổ vốn theo chi tiết các sở, ngành, địa phương.

2. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Ngân sách trung ương (nguồn dự toán năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023): 234 triệu đồng;

- Ngân sách trung ương (nguồn dự toán năm 2023): 1.860 triệu đồng;

- Ngân sách tỉnh (nguồn chi khác năm 2023): 281 triệu đồng;

- Đối với nguồn chi từ ngân sách huyện với số tiền 33 triệu đồng, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện bố trí đối ứng theo đúng quy định tại các Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022, số 03/2023/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 của HĐND tỉnh.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm bố trí vốn đối ứng ngân sách huyện để đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình được duyệt.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, giao Sở Tài chính phối hợp Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố (theo danh sách tại Điều 1) và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, TL, HL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hữu Hoàng**

*Phụ lục 01*

**CHI TIẾT PHÂN BỔ VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2023 ĐỢT 3**

*(Kèm theo Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 06/ 9 /2023 của UBND tỉnh)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT | NỘI DUNG | Phân bổ vốn sự nghiệp năm 2023 | | | | | *Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp* | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng vốn | Ngân sách trung ương | Ngân sách địa phương | | | Sự nghiệp văn hóa thông tin | Các hoạt động kinh tế |
| | | | | Tổng cộng | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* |
| | **PHÂN BỔ ĐỢT 3** | **2.408** | **2.094** | **314** | **281** | **33** | **1.603** | **805** |
| **I** | **Dự án 10:** | **2.408** | **2.094** | **314** | **281** | **33** | **1.603** | **805** |
| ***1*** | ***Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*** | **1.603** | **1.394** | **209** | **189** | **20** | **1.603** | |
| ***1.1*** | ***Phân bổ cho các sở, ngành (67%)*** | ***1.074*** | ***934*** | ***140*** | ***140*** | | ***1.074*** | |
| | - Ban Dân tộc (50%) | 802 | 697 | 105 | 105 | | 802 | |
| | - Liên minh Hợp tác xã tỉnh (15%) | 240 | 209 | 31 | 31 | | 240 | |
| | - Sở Thông tin và Truyền thông (2%) | 32 | 28 | 4 | 4 | | 32 | |
| ***1.2*** | ***Phân bổ cho các địa phương*** | ***529*** | ***460*** | ***69*** | ***49*** | ***20*** | ***529*** | |
| | - Huyện Khánh Vĩnh | 290 | 252 | 38 | 27 | 11 | 290 | |
| | - Huyện Khánh Sơn | 209 | 182 | 27 | 19 | 8 | 209 | |
| | - Huyện Cam Lâm | 30 | 26 | 4 | 3 | 1 | 30 | |
| ***2*** | ***Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình*** | ***805*** | ***700*** | ***105*** | ***92*** | ***13*** | | ***805*** |
| ***2.1*** | ***Phân bổ cho các sở, ngành (55%)*** | **443** | **385** | **58** | **58** | | | **443** |
| | - Ban Dân tộc (22,5%) | 181 | 157 | 24 | 24 | | | 181 |
| | - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh (10%) | 81 | 70 | 11 | 11 | | | 81 |
| | - Sở Nông nghiệp và PTNT (2,5%) | 21 | 18 | 3 | 3 | | | 21 |
| | - Ban Dân vận Tỉnh ủy (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Sở Kế hoạch và Đầu tư (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Sở Giáo dục và Đào tạo (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Sở Văn hóa và Thể thao (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Sở Du lịch (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Sở Y tế (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |

| STT | NỘI DUNG | Phân bổ vốn sự nghiệp năm 2023 | | | | | *Trong đó chi tiết theo từng lĩnh vực sự nghiệp* | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng vốn | Ngân sách trung ương | Ngân sách địa phương | | | Sự nghiệp văn hóa thông tin | Các hoạt động kinh tế |
| | | | | Tổng cộng | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* |
| | - Sở Tư pháp (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Sở Công Thương (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Sở Thông tin và Truyền thông (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Sở Giao thông vận tải (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Sở Nội vụ (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Ngân hàng Chính sách Xã hội Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Hội Liên Hiệp Phụ nữ tỉnh (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Hội Nông dân tỉnh (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Liên minh HTX tỉnh (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Công an tỉnh (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| | - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (1%) | 8 | 7 | 1 | 1 | | | 8 |
| ***2.2*** | ***Phân bổ cho các địa phương*** | ***362*** | ***315*** | ***47*** | ***34*** | ***13*** | | ***362*** |
| | - Huyện Khánh Vĩnh | 192 | 167 | 25 | 18 | 7 | | 192 |
| | - Huyện Khánh Sơn | 130 | 113 | 17 | 12 | 5 | | 130 |
| | - Huyện Cam Lâm | 23 | 20 | 3 | 2 | 1 | | 23 |
| | - Thị xã Ninh Hòa | 10 | 9 | 1 | 1 | | | 10 |
| | - Thành phố Cam Ranh | 7 | 6 | 1 | 1 | | | 7 |

**Phụ lục 02**

**CHI TIẾT PHÂN BỔ VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2023 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỈNH KHÁNH HÒA CHO CÁC SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

*(Kèm theo Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 06/9 /2023 của UBND tỉnh)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT | NỘI DUNG | Phân bổ vốn sự nghiệp năm 2023 | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng vốn | Ngân sách trung ương | Ngân sách địa phương | | |
| | | | | Tổng cộng | Ngân sách tỉnh | Ngân sách |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| | **PHÂN BỔ ĐỢT 3** | **2.408** | **2.094** | **314** | **281** | **33** |
| **I** | **Phân bổ cho các sở, ngành** | **1.517** | **1.319** | **198** | **198** | |
| 1 | Ban Dân tộc | 983 | 854 | 129 | 129 | |
| 2 | Liên minh Hợp tác xã tỉnh | 248 | 216 | 32 | 32 | |
| 3 | Sở Thông tin và Truyền thông | 40 | 35 | 5 | 5 | |
| 4 | Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh | 81 | 70 | 11 | 11 | |
| 5 | Sở Nông nghiệp và PTNT | 21 | 18 | 3 | 3 | |
| 6 | Ban Dân vận Tỉnh ủy | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| 7 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| 8 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| 9 | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| 10 | Sở Văn hóa và Thể thao | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| 11 | Sở Du lịch | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| 12 | Sở Y tế | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| 13 | Sở Tư pháp | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| 14 | Sở Công Thương | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| 15 | Sở Giao thông vận tải | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| 16 | Sở Nội vụ | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| 17 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| 18 | Ngân hàng Chính sách Xã hội Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| 19 | Hội Liên Hiệp Phụ nữ tỉnh | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| 20 | Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| 21 | Hội Nông dân tỉnh | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| 22 | Công an tỉnh | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| 23 | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | 8 | 7 | 1 | 1 | |
| **II** | **Phân bổ vốn cho các địa phương** | **891** | **775** | **116** | **83** | **33** |
| 1 | Huyện Khánh Vĩnh | 482 | 419 | 63 | 45 | 18 |
| 2 | Huyện Khánh Sơn | 339 | 295 | 44 | 31 | 13 |
| 3 | Huyện Cam Lâm | 53 | 46 | 7 | 5 | 2 |
| 4 | Thị xã Ninh Hòa | 10 | 9 | 1 | 1 | |
| 5 | Thành phố Cam Ranh | 7 | 6 | 1 | 1 | |